

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SA ĐÉC  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 12 - 2020.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Đặng Hoàng Minh.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Bà Cao Thị Diệu Hiền.
2. Ông Nguyễn Văn Minh.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:***  
Bà Lê Thị Ly Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2020/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 8 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 11 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị Kim T - sinh năm: 1995.

Nơi đăng ký thường trú: Số 121, rạch C, khóm X, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Số 588, ấp V, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Bị đơn:*** Anh Bùi Thanh D - sinh năm: 1986.

Nơi đăng ký thường trú: Số 121, rạch C, khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

*Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là Chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị T và anh D tự quen biết và tìm hiểu nhau vào năm 2012. Sau thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm, chị T và anh D tiến tới hôn nhân. Có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 08/7/2013. Sau khi kết hôn, chị T về sống chung nhà với anh D. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc; đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau; anh D sống không có trách nhiệm với gia đình, suốt ngày chỉ lo ăn chơi, uống rượu, bia, không quan tâm chăm sóc vợ con; mỗi lần say sấn thì kiếm chuyện đánh đập vợ và con. Ngoài ra, anh D thường hay ghen tuông vô cớ, lấy lý do chị T đi làm về trễ nên kiếm chuyện đánh đập, dọa nạt chị T nhiều lần nhưng chị T không có báo chính quyền địa phương can thiệp. Chị T đã khuyên nhiều lần nhưng anh D vẫn không thay đổi. Đến năm 2017, chị T về nhà mẹ ruột sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm đối với anh D không còn, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn. Chị T yêu cầu ly hôn Anh Bùi Thanh D.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống, có 01 con chung tên Bùi Tuấn D1, sinh ngày 01/12/2013, hiện đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được quyền nuôi con chung. Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***Tại phiên tòa, bị đơn là Anh Bùi Thanh D trình bày:***

- Về hôn nhân: Anh D và chị T tự quen biết và tìm hiểu nhau vào năm 2012. Sau thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm, cả hai tiến tới hôn nhân. Có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 08/7/2013. Sau khi kết hôn, chị T về sống chung nhà với anh D. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc; đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do quá trình chung sống vợ chồng không có tiếng nói chung, do nóng tính nên anh D có cự cãi, đánh đập chị T. Đồng thời anh D cho rằng chị T có quan hệ không lành mạnh với những người làm chung, anh D khuyên

can nhiều lần không được dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng thêm trầm trọng. Đến năm 2017 thì anh D và chị T ly thân cho đến nay. Nay anh D không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị T, anh D vẫn còn tình cảm với chị T, mong muốn vợ chồng hàn gắn.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống, có 01 con chung tên Bùi Tuấn D1, sinh ngày 01/12/2013, hiện đang sống chung với chị T. Anh D không đồng ý để cho chị T nuôi con chung, anh D yêu cầu được nuôi con chung, anh D không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Anh D xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:***

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn Anh Bùi Thanh D không thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Nguyễn Thị Kim T.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bùi Tuấn D1, sinh ngày 01/12/2013 sau ly hôn (hiện đang sống chung với chị T); do chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh D có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do chị T, anh D xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là Chị Nguyễn Thị Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn Anh Bùi Thanh D thường trú tại khóm X, phường A, thành phố S nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân:

Chị T và anh D chung sống vợ chồng từ năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 08/7/2013 tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Chị T xác định trong quá trình chung sống giữa chị T và anh D đã phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm ngày càng bị tổn thương, rạn nứt, không thể hàn gắn. Từ đầu năm 2017, chị T chịu đựng không nổi nên đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong khoảng thời gian này anh D cũng không tới lui, không liên lạc điện thoại thăm hỏi hay quan tâm đến chị T. Về phía anh D không đồng ý ly hôn với chị T nhưng không có cách nào để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, chị T xác định không còn tình cảm với anh D, cuộc sống hôn nhân với anh D không có hạnh phúc; chị T không thể tiếp tục chung sống với anh D. Trường hợp Tòa án không cho ly hôn thì chị T cũng cương quyết không trở về sống chung với anh D. Chị T thiết tha yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh D. Đây là căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được, nên chị T yêu cầu ly hôn với anh D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị T và anh D xác định vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Tuấn D1, sinh ngày 01/12/2013. Khi ly hôn, chị T có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung; chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Về phía anh D cũng yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, hiện cháu D1 đang có cuộc sống ổn định với chị T, được chị T và những người thân trong gia đình của chị T quan tâm, giúp đỡ, tạo mọi điều kiện thuận lợi trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và dành nhiều tình thương cho cháu. Hơn nữa, cháu D1 cũng còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ và cháu D1 cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo cho cháu D1 có cuộc sống ổn định và phát triển tốt về tâm sinh lý; Hội đồng xét xử

xét thấy cần tiếp tục giao cháu D1 cho chị T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho cháu D1 trong sinh hoạt, học tập. Anh D được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung và nợ chung: Do chị T, anh D xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho Chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn Anh Bùi Thanh D.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Bùi Tuấn D1, sinh ngày 01/12/2013 (hiện đang sống chung với chị T). Anh Bùi Thanh D được quyền đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị T đã nộp ngày 13/8/2020 theo biên lai thu số: 0008263 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh DT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND P. A, TP Sa Đéc, DT;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT. (M)

**Đặng Hoàng Minh**